

Số: **955** /TB-ĐHHHVN

Hải Phòng, ngày **08** tháng 8 năm 2019

THÔNG BÁO

Kết quả xét tuyển thăng kết hợp vào đại học chính quy năm 2019

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 2 năm 2019 về việc Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017; đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 790/BGDĐT-GDDH ngày 06 tháng 03 năm 2019 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2019;

Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2019 của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Hội đồng tuyển sinh Trường ĐH Hàng hải Việt Nam đã tiến hành họp và xét duyệt các hồ sơ xét tuyển thăng kết hợp của thí sinh đăng ký xét tuyển thăng kết hợp vào hệ Đại học chính quy của trường ĐH Hàng hải Việt Nam năm 2019 kết quả *theo danh sách đính kèm*.

Để xác nhận nhập học và nhận Giấy báo trúng tuyển, thí sinh cần nộp **bản chính** Giấy **chứng nhận kết quả thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2019** và bản sao căn cước công dân/CMND (*không cần công chứng*). Thí sinh thực hiện xác nhận theo 1 trong 2 hình thức sau:

- **Nộp trực tiếp:** tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, địa chỉ 484 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng (Hội trường A8 – Khu Hiệu bộ Trường Đại học Hàng hải Việt Nam);
- **Nộp qua bưu điện:** thí sinh gửi đến Phòng Đào tạo, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, địa chỉ 484 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng.

Thời hạn xác nhận nhập học: từ ngày **10/8/2019 đến 17h00 ngày 15/8/2019**.

Sau thời gian quy định, nếu thí sinh không nộp bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2019, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam xem như thí sinh từ chối nhập học.

Trường hợp cần thêm thông tin, thí sinh vui lòng liên hệ Phòng Đào tạo, trường ĐH Hàng hải Việt Nam, địa chỉ 484 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng (Tel: 0225.3735138/3729690; Email: tuyensinh@vimaru.edu.vn ; website: <http://tuyensinh.vimaru.edu.vn>).

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam trân trọng thông báo./. *TS*

Nơi nhận:

- Các PHT (để phối hợp chỉ đạo);
- Website Trường;
- Lưu: VT, PĐT.

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PGS.TS. Phạm Xuân Dương

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN THĂNG KẾT HỢP
VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM NĂM 2019
(Kèm theo Thông báo số: 955 ngày 08 tháng 8 năm 2019)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/ Căn cước	Chuyên ngành trúng tuyển	Mã Chuyên ngành trúng tuyển
1.	ĐỖ HUY CHIẾN	10/06/2001	031201002920	Logistics và chuỗi cung ứng	7840104D407
2.	ĐỖ THU HÀ	29/04/2001	031301000470	Logistics và chuỗi cung ứng	7840104D407
3.	ĐỖ VIỆT HÙNG	03/10/2001	031201000304	Logistics và chuỗi cung ứng	7840104D407
4.	NGUYỄN THỤY KHANG	02/07/2001	031201009812	Logistics và chuỗi cung ứng	7840104D407
5.	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	14/04/2001	034301002638	Logistics và chuỗi cung ứng	7840104D407
6.	TRẦN KHÁNH LINH	24/07/2001	031301008535	Logistics và chuỗi cung ứng	7840104D407
7.	ĐÀO NGỌC MAI	07/11/2001	031301002369	Logistics và chuỗi cung ứng	7840104D407
8.	PHẠM NGUYỄN NGỌC MAI	29/07/2001	031301002089	Logistics và chuỗi cung ứng	7840104D407
9.	NGUYỄN THỊ THANH	24/03/2001	030301010910	Logistics và chuỗi cung ứng	7840104D407
10.	TỔNG THỊ MINH TRANG	11/12/2001	031301003954	Logistics và chuỗi cung ứng	7840104D407
11.	BÙI HỮU SƠN TÙNG	06/11/2001	031201000482	Logistics và chuỗi cung ứng	7840104D407
12.	NGÔ THẢO VÂN	21/09/2001	031301004577	Logistics và chuỗi cung ứng	7840104D407
13.	NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN	15/11/2001	352539891	Logistics và chuỗi cung ứng	7840104D407
14.	PHẠM YẾN VI	31/07/2001	031301010070	Logistics và chuỗi cung ứng	7840104D407
15.	TRẦN ĐỖ HÀ VI	09/09/2001	030301007842	Logistics và chuỗi cung ứng	7840104D407
16.	PHẠM MAI PHƯƠNG	04/01/2001	031301000514	Kinh tế vận tải biển	7840104D401
17.	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	02/01/2001	033301002156	Kinh tế vận tải biển	7840104D401
18.	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	20/08/2001	031301000285	Kinh tế vận tải biển	7840104D401
19.	NGÔ VĂN TRỌNG	13/08/1999	125817556	Kinh tế vận tải biển	7840104D401
20.	HOÀNG XUÂN BÁCH	22/03/2001	031201005732	Kinh tế ngoại thương	7340120D402
21.	PHẠM TRƯỜNG GIANG	30/03/2001	031201004558	Kinh tế ngoại thương	7340120D402
22.	PHẠM THỊ MAI LINH	29/03/2001	031301001143	Kinh tế ngoại thương	7340120D402
23.	VŨ HƯƠNG LINH	21/07/2001	031301007287	Kinh tế ngoại thương	7340120D402
24.	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	16/06/2001	031301005714	Kinh tế ngoại thương	7340120D402
25.	NGÔ TRANG NHUNG	18/03/2001	031301002278	Kinh tế ngoại thương	7340120D402
26.	NGUYỄN THỊ THANH NHUNG	21/06/2001	031301001333	Kinh tế ngoại thương	7340120D402
27.	BÙI PHƯƠNG TRANG	15/01/2001	031301003426	Kinh tế ngoại thương	7340120D402
28.	NGUYỄN LINH TRANG	22/10/2001	022301006873	Kinh tế ngoại thương	7340120D402
29.	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	06/12/2001	031301005027	Kinh tế ngoại thương	7340120D402
30.	PHẠM GIA KHÁNH	29/11/2001	031201001707	Quản trị tài chính ngân hàng	7340101D411
31.	PHẠM VŨ HOÀNG	25/08/2001	031201000623	Kinh doanh quốc tế và logistics	7340120A409
32.	VŨ THỊ THU HƯƠNG	21/06/2001	031301008410	Kinh doanh quốc tế và logistics	7340120A409
33.	NGUYỄN THU HUYỀN	17/11/2001	031301005250	Kinh doanh quốc tế và logistics	7340120A409
34.	LÊ THỊ TUYẾT NHUNG	20/08/2001	033301006753	Kinh doanh quốc tế và logistics	7340120A409
35.	TRẦN VĂN SƠN	19/11/2001	031201000592	Kinh doanh quốc tế và logistics	7340120A409
36.	NGUYỄN QUỐC THÁI	20/08/2001	031201000074	Kinh doanh quốc tế và logistics	7340120A409
37.	TRƯƠNG QUỐC UY	23/09/2001	031201001474	Kinh doanh quốc tế và logistics	7340120A409
38.	NGUYỄN QUỲNH CHI	24/10/2001	031301002134	Quản lý kinh doanh và Marketing	7340101A403
39.	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	31/10/1999	031199001354	Quản lý kinh doanh và Marketing	7340101A403

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/ Căn cước	Chuyên ngành trúng tuyển	Mã Chuyên ngành trúng tuyển
40.	ĐẶNG PHÚC HÙNG	25/09/2001	031201002779	Kinh tế ngoại thương (CLC)	7340120H402
41.	ĐỒNG QUANG VINH	24/12/2001	031201004006	Kinh tế ngoại thương (CLC)	7340120H402
42.	PHẠM THỊ THẢO VÂN	21/04/2001	031301008263	Kinh tế vận tải biển (CLC)	7840104H401
43.	NGUYỄN HẢI SƠN	26/03/2001	031201002639	Quản trị kinh doanh	7340101D403
44.	BÙI VĂN ANH	15/05/2001	031301005257	Tiếng Anh thương mại	7220201D124
45.	VŨ VĂN ANH	08/10/2001	031301004651	Tiếng Anh thương mại	7220201D124
46.	PHẠM HỒNG HẠNH	18/01/2001	036301005618	Tiếng Anh thương mại	7220201D124
47.	LÊ TRUNG HIẾU	08/08/2001	031201001816	Tiếng Anh thương mại	7220201D124
48.	LÊ KHÁNH LINH	11/12/2001	031301000380	Tiếng Anh thương mại	7220201D124
49.	AN YẾN NHI	18/01/2001	031301006154	Tiếng Anh thương mại	7220201D124
50.	NGUYỄN QUỐC TÀI	01/01/2001	031201002660	Tiếng Anh thương mại	7220201D124
51.	PHẠM THANH THẢO	13/08/2001	031301004043	Tiếng Anh thương mại	7220201D124
52.	TRẦN MẠNH VIỆT	18/04/2001	031201008186	Tiếng Anh thương mại	7220201D124
53.	VŨ THỊ HẠNH HÒA	17/06/2001	031301006741	Ngôn ngữ Anh	7220201D125
54.	DIỆP QUỐC KHÁNH	04/12/1998	000098000025	Ngôn ngữ Anh	7220201D125
55.	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	21/01/2001	031301006793	Ngôn ngữ Anh	7220201D125
56.	ĐẶNG HOÀNG NGỌC	19/10/2001	031301005958	Ngôn ngữ Anh	7220201D125
57.	VŨ KHẮC NGUYỄN	07/11/2001	031201001927	Ngôn ngữ Anh	7220201D125
58.	TRẦN MINH PHƯƠNG	09/02/2001	031301009704	Ngôn ngữ Anh	7220201D125
59.	TRẦN THỊ MINH THU	08/12/2001	031301004694	Ngôn ngữ Anh	7220201D125
60.	TRỊNH ĐỖ NGỌC TRÂM	24/03/2001	031301001661	Ngôn ngữ Anh	7220201D125
61.	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	02/06/2001	031301008141	Ngôn ngữ Anh	7220201D125
62.	THÁI MINH TUẤN	11/12/2001	031201001599	Ngôn ngữ Anh	7220201D125
63.	PHẠM THỊ HẢI YẾN	21/05/2001	031301002601	Ngôn ngữ Anh	7220201D125
64.	NGUYỄN ĐỨC HẢI ĐĂNG	25/06/2001	031201000470	Công nghệ thông tin	7480201D114
65.	NGUYỄN VĂN MINH	03/05/2001	034201010247	Công nghệ thông tin	7480201D114
66.	TRẦN BÌNH MINH	02/05/2001	031201001916	Công nghệ thông tin	7480201D114
67.	PHẠM QUANG HUY	24/02/2001	031201001851	Kỹ thuật ô tô	7520103D122
68.	VŨ VĂN QUANG	25/11/2001	022201003687	Kỹ thuật ô tô	7520103D122
69.	ĐOÀN THẾ MẠNH	08/09/2001	031201002098	Kỹ thuật cơ khí	7520103D116
70.	NGUYỄN HẢI LONG	23/09/2001	031201000600	Xây dựng dân dụng và CN	7580201D112